

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 80/2022/HS-ST
Ngày 19-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Lâm;

Ông Đỗ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2022/TLST-HS ngày 05/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HS ngày 05/9/2022 đối với:

- Các bị cáo:

1. Vi Văn H, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 02/7/1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K và bà Ngọc Thị H; có vợ là Hoàng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt từ ngày 24/4/2022, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến nay; có mặt.

2. Đỗ Văn S, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 01/01/1984 tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký thường trú: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P và bà Đỗ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị T và 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật, đã bị xử lý hành chính (ngày 18/4/2014 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến ngày 28/4/2022 được tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 03/4/1984 tại huyện L, tỉnh V. Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Đường M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T; có vợ 1 là Nguyễn Thị N (đã ly hôn); vợ 2 là Hoàng Thị P (đã ly hôn); vợ 3 là Hoàng Thị H và 03 con; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày 22/5/2019 về tội Đánh bạc; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 97/2005/HS-ST ngày 31/8/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 năm tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến nay.

4. Linh Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 08/6/1980 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Linh Trung S và bà Vy Thị B; có vợ là Tăng Thị Hồng D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật, đã bị xử lý vi phạm hành chính tại Quyết định số 132/QĐ-XPHC ngày 18/7/2013 của Công an huyện Văn Quan xử phạt số tiền 1.500.000 về hành vi Tăng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

2. Bà Tăng Thị Hồng D, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Hà Ngọc D, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 10 phút ngày 24/4/2022 tại khu vực đường mòn mốc 1225 thuộc Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác Phòng trình sát Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, Đoàn trình sát Miền Bắc, Đồn Biên phòng cửa khẩu Chi Ma phối hợp với Phòng PA01, PA09 Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện Vi Văn H đang đưa dẫn 01 người đàn ông Trung Quốc là Dương Thiên Đ theo đường mòn biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ của Vi Văn H: 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh nhạt, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát: 12P1-4647 .

Đầu tranh ban đầu Vi Văn H khai nhận được Nguyễn Văn T là người thuê đưa dẫn người Trung Quốc xuất cảnh trái phép với tiền công là 5.000.000 đồng. Sau đó Vi Văn H bảo Linh Văn T là người đi đón người Trung Quốc từ Nguyễn Văn T để đưa đến cho mình đưa đi lên biên giới xuất cảnh trái phép, đồng thời Vi Văn H cũng bảo Đỗ Văn S là người trông đường, cảnh giới giúp sức cho mình thực hiện hành vi đưa dẫn người Trung Quốc xuất cảnh trái phép.

Ngày 25/4/2022 các đối tượng Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S đến Đồn Biên phòng cửa khẩu Chi Ma đầu thú hành vi của mình. Cùng ngày Đồn Biên phòng cửa khẩu Chi Ma đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Linh Văn T.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng năm 2018 trong thời gian làm thuê tại thành phố N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Nguyễn Văn T quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên thường gọi là "A Cồ" (không biết tuổi, địa chỉ cụ thể) và kết bạn với nhau qua tài khoản Wechat, cuối năm 2018 Nguyễn Văn T về Việt Nam và thỉnh thoảng giữa Nguyễn Văn T và A Cồ vẫn liên lạc hỏi thăm nhau.

Khoảng giữa tháng 4/2022, A Cồ liên lạc qua Wechat cho Nguyễn Văn T biết đến ngày 24/4/2022 sẽ có một "*kiện*" tức là một khách Trung Quốc đi từ Hà Nội lên Lạng Sơn và có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, A Cồ bảo Nguyễn Văn T đón khách ở ngõ AH1 ngã tư M, thành phố Lạng Sơn đưa vào khu vực cửa khẩu Chi Ma rồi đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn, A Cồ sẽ trả cho Nguyễn Văn T 3.000 NDT tiền công và dặn khi nào khách đến sẽ gọi.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 24/4/2022, A Cồ gọi qua Wechat cho Nguyễn Văn T biết đến 18 giờ cùng ngày khách Trung Quốc sẽ đến ngõ AH1 ngã tư M, thành phố Lạng Sơn; A Cồ dặn Nguyễn Văn T đúng 18 giờ thì ra đón, đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đồng thời mô tả đặc điểm của khách cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T đồng ý. Sau đó Nguyễn Văn T gọi điện để thuê Vi Văn H đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn khu vực cửa khẩu C, Vi Văn H đồng ý. Nguyễn Văn T cho Vi Văn H biết Nguyễn Văn T sẽ đưa người khách này đến đường rẽ vào thôn P thuộc địa phận thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, rồi Vi Văn H đón và đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi nào khách đi qua hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc thì quay video hoặc chụp ảnh gửi cho Nguyễn Văn T. Khi được Nguyễn Văn T đặt vấn đề như vậy, Vi Văn H yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả 10.000.000 đồng tiền công thì Nguyễn Văn T cho Vi Văn H biết phía Trung Quốc chỉ trả tiền công là 3.000 NDT nên chỉ có thể trả cho Vi Văn H 5.000.000 đồng tiền công, Vi Văn H đồng ý. Sau đó Vi Văn H điện thoại cho Linh Văn T biết đến tối có một khách Trung Quốc đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Vi Văn H rủ Linh Văn T cùng tham gia, nhiệm vụ của Linh Văn T là ra đoạn đường rẽ vào thôn P thuộc địa phận thôn B, xã Y, huyện L đón, đưa khách

Trung Quốc vào ngã ba cổng bãi xe T trong khu vực cửa khẩu C giao cho Vi Văn H, Vi Văn H sẽ trả tiền công, khi nào khách đến đường rẽ vào thôn P sẽ gọi Linh Văn T ra đón, Linh Văn T đồng ý. Tiếp đến Vi Văn H gọi điện thoại qua Wechat bảo Đỗ Văn S sang nhà Vi Văn H có việc, khi Đỗ Văn S đến, Vi Văn H cho biết hiện đang có một khách người Trung Quốc có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và đặt vấn đề bảo Đỗ Văn S đi trông đường, cảnh giới để Vi Văn H dẫn khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép theo đường mòn biên giới khu vực mốc 1225, xong việc Vi Văn H sẽ trả tiền công và khi nào khách đến Vi Văn H sẽ gọi, Đỗ Văn S đồng ý.

Khoảng 18 giờ ngày 24/4/2022, Nguyễn Văn T đi xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 171.48 đến ngõ có biển báo AH1 quốc lộ 1A gần ngã tư Mỹ S, thành phố Lạng Sơn. Tại đây Nguyễn Văn T gặp một người đàn ông Trung Quốc như A Cổ mô tả, Nguyễn Văn T ra hiệu cho người này lên xe rồi chở người này vào thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đồng thời Nguyễn Văn T gọi điện thông báo cho Vi Văn H biết đang trên đường đưa khách vào. Sau khi được Nguyễn Văn T thông báo đã đón được khách, Vi Văn H gọi điện cho Đỗ Văn S bảo ra khu nhà liên hợp cửa khẩu C đứng ở đó để trông đường nếu thấy có Bộ đội Biên phòng đi tuần tra thì báo cho Vi Văn H biết.

Khoảng 19 giờ cùng ngày Nguyễn Văn T đưa người đàn ông Trung Quốc đến ngã ba đường rẽ vào thôn P thuộc địa phận thôn B, xã Y, điện thoại qua Wechat báo cho Vi Văn H biết, Vi Văn H bảo Nguyễn Văn T cho khách chờ ở đó sẽ cho người khác ra đón, Nguyễn Văn T cho khách nấp vào đồi thông để tránh bị phát hiện. Một lúc sau Vi Văn H thông báo cho Nguyễn Văn T biết đang có Bộ đội Biên phòng đi tuần tra nên chưa ra đón được và nói khi đưa khách sang Trung Quốc phải qua hai hàng rào, Vi Văn H chỉ đưa được đến hàng rào đầu tiên. Do phía Trung Quốc yêu cầu phải đưa khách qua đến đất Trung Quốc, Nguyễn Văn T và Vi Văn H không thống nhất được nên Vi Văn H nói sẽ ra gặp Nguyễn Văn T để trao đổi cụ thể. Vi Văn H một mình đi xe mô tô biển kiểm soát 12P1 – 4647 đến gặp Nguyễn Văn T. Tại đây, Nguyễn Văn T và Vi Văn H trao đổi với nhau việc đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và tiền công đưa dẫn, trong quá trình trao đổi Nguyễn Văn T cho Vi Văn H biết phía bên Trung Quốc yêu cầu phải đưa khách đến hàng rào biên giới thứ hai và chỉ trả tiền công là 3.000 NDT nên sẽ chỉ trả cho Vi Văn H 5.000.000 đồng tiền công, Vi Văn H cho biết chỉ có thể dẫn khách đến hàng rào biên giới thứ nhất Việt Nam – Trung Quốc, không thể đưa khách vào sâu trong nội địa Trung Quốc với mức tiền công như vậy. Do không thống nhất được việc đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và tiền công nên Vi Văn H quay về nhà, Nguyễn Văn T điện thoại cho A Cổ biết việc người đưa biên chỉ đưa khách đến hàng rào thứ nhất, A Cổ đồng ý, sau đó Nguyễn Văn T điện thoại cho Vi Văn H bảo đưa khách đến hàng rào thứ nhất cũng được nhưng tiền công sẽ là 5.000.000 đồng, Vi Văn H đồng ý và bảo sẽ có người ra đón khách; tiếp đó Vi Văn H gọi điện bảo Linh Văn T ra đường rẽ vào thôn P Qua thuộc địa phận thôn Bản Khoai, xã Yên Khoái để đón khách, Linh Văn T đồng ý. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày Linh Văn T đi xe mô tô biển

kiểm soát 12K2 – 6953 đến điểm hẹn thì gặp Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T hỏi Linh Văn T và được Linh Văn T cho biết đến để đón khách cho Vi Văn H, Linh Văn T ra hiệu cho người đàn ông Trung Quốc lên xe của Linh Văn T, sau đó Linh Văn T chở người đàn ông Trung Quốc đến ngã ba bãi xe Tuấn Minh trong khu vực cửa khẩu Chi Ma rồi gọi Vi Văn H ra đón. Vi Văn H đi bộ ra gặp Linh Văn T và đón người khách Trung Quốc và bảo Linh Văn T đi về. Tiếp đó Vi Văn H một mình đưa người đàn ông Trung Quốc này đi bộ theo đường mòn lên khu vực mốc 1225.

Khoảng 21 giờ cùng ngày Đỗ Văn S đang quan sát và trông đường cho Vi Văn H tại khu nhà liên hợp cửa khẩu Chi Ma phát hiện có lực lượng Biên phòng đi tuần tra hướng khu vực mốc 1225, Đỗ Văn S đã nhắn tin nhắn thoại qua ứng dụng Wechat cho Vi Văn H thông báo việc có lực lượng Biên phòng đi tuần tra, tuy nhiên lúc này Vi Văn H cùng người đàn ông Trung Quốc đã đi gần đến hàng rào sắt biên giới và bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang trên Vi Văn H khai nhận trước đó khoảng cuối tháng 2/2022 Vi Văn H và Linh Văn T cũng đã 01 lần đón đưa 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, cụ thể: Theo lời khai của Vi Văn H, vào khoảng cuối tháng 02/2022 Vi Văn H được Nguyễn Văn T điện thoại qua Wechat cho biết có một khách Trung Quốc đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và đặt vấn đề thuê Vi Văn H đón từ đường rẽ vào thôn Pò Qua thuộc địa phận thôn B, xã Y, huyện L rồi đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 6.000.000 đồng, Vi Văn H đồng ý và cho Nguyễn Văn T biết sẽ đưa khách xuất cảnh trái phép theo đường mòn mốc 1225. Nguyễn Văn T nói khi nào khách đến sẽ thông báo và dặn Vi Văn H khi đưa khách đến hàng rào biên giới thì quay phim hoặc chụp ảnh gửi cho Nguyễn Văn T. Do Vi Văn H bận trông con nhỏ nên đã điện thoại cho Linh Văn T biết và rủ tham gia, Linh Văn T đồng ý. Vi Văn H cho Linh Văn T biết đến tối sẽ có người đưa khách đến đường rẽ vào thôn Pò Qua thuộc địa phận thôn B, xã Y, huyện L, Vi Văn H bảo Linh Văn T đến đó đón và đưa vào ngã ba gần bãi xe Tuấn Minh trong khu vực cửa khẩu Chi Ma giao cho Vi Văn H, Vi Văn H thống nhất trả cho Linh Văn T 2.000.000 đồng tiền công. Khoảng 18 giờ 30 Vi Văn H được Nguyễn Văn T cho biết đã đưa khách đến ngã ba đường rẽ vào thôn Pò Qua thuộc địa phận thôn Bản Khoai, xã Yên Khoái và bảo Vi Văn H ra đón, Vi Văn H nói sẽ có người đến đón, Vi Văn H chỉ ra lấy tiền công với Nguyễn Văn T, đồng thời Vi Văn H điện thoại cho Linh Văn T thông báo khách đã đến ngã ba đường rẽ vào thôn Pò Qua. Sau đó Vi Văn H một mình đi ra điểm hẹn, khi đến thấy Nguyễn Văn T đứng một mình cạnh đường, Vi Văn H hỏi Nguyễn Văn T khách Trung Quốc đâu thì Nguyễn Văn T cho biết đã cho khách nấp vào bụi cây. Nguyễn Văn T dặn Vi Văn H khi đưa khách đến hàng rào biên giới thì quay phim hoặc chụp ảnh khách rồi gửi cho Nguyễn Văn T, sau đó Vi Văn H được Nguyễn Văn T đưa cho 6.000.000 đồng tiền công và Vi Văn H cho Nguyễn Văn T biết lát nữa sẽ có người đến đón khách Trung Quốc, rồi Vi Văn H đi về nhà. Khoảng 19 giờ 30, Linh Văn T đến đoạn đường rẽ vào thôn Pò Qua thuộc thôn Bản Khoái, xã Yên

Khoái, huyện Lộc Bình, tại đây Linh Văn T thấy một người đàn ông đứng cạnh đường, lúc này Vi Văn H gọi điện đã đón được khách chưa, Linh Văn T cho biết đã đến nơi và thấy có một người đàn ông đứng cạnh đường, Linh Văn T hỏi Vi Văn H khách này như nào thì Vi Văn H cho biết là khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Linh Văn T ra hiệu cho người đàn ông Trung Quốc này lên xe rồi chở vào ngã ba gần bãi xe T, khi đến thì gặp Vi Văn H, Vi Văn H nhận khách Trung Quốc và bảo Linh Văn T đi về, ngày hôm sau đến nhà Vi Văn H để lấy tiền. Tiếp đó Linh Văn T đi về nhà, còn Vi Văn H một mình đưa người đàn ông Trung Quốc lên mốc 1225 ra hiệu cho người này trèo qua hàng rào. Khi người khách Trung Quốc trèo qua hàng rào thì Vi Văn H quay phim, chụp ảnh và trên đường về gửi qua Wechat cho Nguyễn Văn T, gửi xong thì Vi Văn H đã xóa đi. Ngày hôm sau Vi Văn H gọi điện cho Linh Văn T bảo đến nhà Vi Văn H để lấy tiền, Vi Văn H đã trả cho Linh Văn T 2.000.000 đồng tiền công, tuy nhiên khi về đến nhà Linh Văn T đếm lại thì chỉ có 1.950.000 đồng.

Quá trình điều tra Linh Văn T khai nhận được cùng Vi Văn H đón, đưa dẫn 01 người khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép trót lọt vào cuối tháng 02/2022 như trên, tuy nhiên không biết người khách Trung Quốc là của ai và ai đưa đến; còn Nguyễn Văn T phủ nhận hoàn toàn không liên quan và không biết gì đến việc Vi Văn H và Linh Văn T đón, đưa dẫn 01 người đàn ông Trung Quốc xuất cảnh trái phép trót lọt vào cuối tháng 02/2022.

Với nội dung nêu trên, tại bản Cáo trạng số 88/CT-VKSLS-P2 ngày 04/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tăng Thị Hồng D trình bày chiếc xe biển kiểm soát 12K2-6953 thu giữ của Linh Văn T do bà tự bỏ tiền riêng ra mua, việc chồng bà sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội bà không được biết, đề nghị trả lại cho bà chiếc xe này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T2 trình bày chiếc xe biển kiểm soát 88G1-171.48 là xe đứng tên sở hữu của ông cho anh trai là Nguyễn Văn T mượn để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội ông không được biết, đề nghị trả lại cho ông chiếc xe này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hà Ngọc D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử và lời khai trong hồ sơ thể hiện: Chiếc xe biển kiểm soát 12P1-4647 là xe của ông cho bị cáo Vi Văn H mượn, việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội ông không biết, đề nghị trả lại ông chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định

truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T, Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù. Truy thu của bị cáo số tiền 4.050.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Linh Văn T từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm tù. Truy thu của bị cáo số tiền phạm tội 1.950.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn S từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá 04 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe biển kiểm soát 12K2-6953. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 xe máy biển kiểm soát 88G1-171.48; trả lại cho bà Tăng Thị Hồng D 1/2 giá trị 01 xe máy biển kiểm soát 12K2-6953 sau hóa giá; trả lại cho ông Hà Ngọc D 01 xe máy biển kiểm soát 12P1-4647.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, các bị Vi Văn H, Linh Văn T cáo đều nhận thấy lỗi lầm của bản thân và xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội; bị có Đỗ Văn S xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến trong lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hà Ngọc D vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra; bên cạnh đó, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy việc xét xử vắng mặt ông Hà Ngọc D không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có căn cứ xác định: Vào hồi 21 giờ 10 phút ngày 24/4/2022 tại khu vực đường mòn mốc 1225 thuộc Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn đã phát hiện bắt quả tang Vi Văn H đang dẫn 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép theo yêu cầu của Nguyễn Văn T để nhận tiền công là 5.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hành vi, Vi Văn H đã thuê Đỗ Văn S, Linh Văn T giúp sức cho mình. Ngoài ra, vào cuối tháng 02/2022, Vi Văn H đã cùng Linh Văn T đón và đưa dẫn 01 người Trung Quốc trốn lậu và được nhận tiền công là 6.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, truy tố đối với các bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây mất ổn định trật tự, xã hội tại địa phương, nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Trong hành vi đưa 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép ngày 24/4/2022 bị cáo Nguyễn Văn T là người có vai trò chính, trực tiếp trao đổi với người đàn ông Trung Quốc về việc đón người nhập cảnh trái phép sau đó thuê và chỉ đạo Vi Văn H thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Vi Văn H là đồng phạm thực hành tích cực, trực tiếp tiếp nhận ý chí của bị cáo Nguyễn Văn T, sau đó thuê bị cáo Linh Văn T, Đỗ Văn S để cùng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Linh Văn T, Đỗ Văn S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho Vi Văn

H, trong đó Linh Văn T được đón khách tại đường rẽ vào thôn P để đưa vào khu vực cửa khẩu C giao cho Vi Văn H, còn bị cáo Đỗ Văn S tham gia với nhiệm vụ trông đường. Trong hành vi đưa 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép cuối tháng 02/2022, bị cáo Vi Văn H là người thực hiện hành vi tích cực, bị cáo Linh Văn T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Vi Văn H.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Vi Văn H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đỗ Văn S từng bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu (đã chấp hành xong). Bị cáo Linh Văn T từng bị Công an huyện Văn Quan xử phạt số tiền 1.500.000 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong). Bị cáo Nguyễn Văn T từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 năm tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích); còn tại bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày 22/5/2019 về tội Đánh bạc nên được coi là có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vi Văn H, Đỗ Văn S, Linh Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội trong thời gian thử thách tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nên lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp tái phạm.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Vi Văn H đã tự thú về hành vi phạm tội vào tháng 02/2022 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi sự việc bị phát hiện, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S đã ra đầu thú; bị cáo Linh Văn T thuộc hộ cận nghèo và là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S, Linh Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Từ những phân tích trên, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng, ngừa tội phạm; đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Xét thấy, bị cáo Vi Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Linh Văn T, Đỗ Văn S tuy nhân thân từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành xong, đến thời điểm phạm tội được coi là chưa bị xử phạt hành chính, là đồng phạm thứ yếu, giúp sức với vai trò không đáng kể nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo Đỗ Văn S phạm tội lần đầu, vai trò đồng phạm thứ yếu không đáng kể, có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ cho bị cáo Đỗ Văn S được hưởng án treo để bị cáo thấy

được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, tránh xa con đường tội lỗi để không vi phạm pháp luật.

[10] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đã từng nhiều lần bị xét xử nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, lần phạm tội này của bị cáo đang trong thời gian thử thách án treo tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã trên, tổng hợp với hình phạt tại Bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo thấy các bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về biện pháp tư pháp: Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T vào tháng 02/2022 các bị cáo đã được hưởng tiền công, do đó, cần truy thu của bị cáo Vi Văn H số tiền 4.050.000 đồng, truy thu của bị cáo Linh Văn T số tiền 1.950.000 đồng.

[13] Đối với người đàn ông Trung Quốc đã thuê Nguyễn Văn T đón khách tại thành phố Lạng Sơn để đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, do không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra làm rõ.

[14] Đối với những đối tượng đã sắp xếp, đưa dẫn người Trung Quốc nhập cảnh, sau đó xuất cảnh trái phép vào ngày 24/4/2022 và cuối tháng 02/2022 do không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra làm rõ.

[15] Đối với Nguyễn Văn T, ngoài hành vi phạm tội ngày 24/4/2022 thì theo lời khai của Vi Văn H trước đó vào cuối tháng 2/2022 Vi Văn H và Linh Văn T đón, đưa trót lọt 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, người này là khách của Nguyễn Văn T đưa đến. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Vi Văn H không có tài liệu khác chứng minh, Linh Văn T không biết là khách của ai đưa đến, Nguyễn Văn T phủ nhận hoàn toàn không biết, không liên quan. Do đó, chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm đối với Nguyễn Văn T về lần phạm tội này.

[16] Đối với Dương Thiên Đ là khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép, ngày 11/5/2022 Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trực xuất trao trả cho phía Công an Trung Quốc vào ngày 31/5/2022.

[17] Về xử lý vật chứng: 04 điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước. Đối với 02 xe máy thu giữ của các bị cáo là tài sản của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hà Ngọc D và ông Nguyễn Văn T2, việc các bị cáo sử dụng những phương tiện này để thực hiện hành vi phạm tội những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không biết nên cần trả lại 02 xe máy này cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12K2-6953 mặc dù là bà Tăng Thị Ngọc D bỏ tiền ra mua

xe nhưng tại phiên tòa bị cáo Linh Văn T xác định đây là tài sản chung của vợ chồng vì đã mua và cùng sử dụng trong thời kỳ hôn nhân, do bị cáo đã sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe và trả lại cho bà Tăng Thị Ngọc D 1/2 giá trị chiếc xe sau hóa giá.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Văn H;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Linh Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn S;

Căn cứ điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Vi Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là 30 (ba mươi) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai Bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2022, được trừ đi

thời hạn tạm giữ từ ngày 26/01/2019 đến ngày 01/02/2019 là 07 (bảy) ngày.

2.3. Xử phạt bị cáo Linh Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2022.

2.4. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/9/2022. Giao bị cáo Đỗ Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu của bị cáo Vi Văn H số tiền 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu của bị cáo Linh Văn T số tiền 1.950.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh nhạt, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 860993057432838; số IMEI2: 860993057432820 (kiểm tra bằng cách ấn *#06#), bên trong lắp 01 sim điện thoại.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 353041091396868 (kiểm tra bằng cách ấn *#06#), bên trong lắp 01 sim Viettel.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 353454/04/950365, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, cũ, đã qua sử dụng, Imei 1: 359623090095767, IMEI 2: 359623090095775, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

1/2 giá trị 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDAWAVE, màu sơn Đỏ Đen, dung tích xilanh: 100; loại xe: hai bánh từ 50-175cm²; số chỗ ngồi: 02 biển kiểm soát: 12K2-6953; số khung: RLHHC09057Y206116; số máy: HC09E5306171 (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cũ đã qua sử dụng, xe vỡ mặt nạ đầu xe và đèn xi nhan trước, không thu được đăng ký xe). Theo giao nhận thực tế: xe mô tô có dán nhãn hiệu

WAVE RS sau khi hóa giá.

4.2. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Ngọc D: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDAWAVE màu sơn: Xanh; dung tích xilanh: 110; Loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, biển kiểm soát: 12P1-4647; số khung: 12P114647; số máy: 12P14647 (*theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cũ đã qua sử dụng, xe không có yếm xe hai bên, bị nứt vỡ yên xe. Không thu được đăng ký xe*).

4.3. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tăng Thị Hồng D: 1/2 giá trị 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDAWAVE, màu sơn Đỏ Đen, dung tích xilanh: 100; loại xe: hai bánh từ 50-175cm²; số chỗ ngồi: 02 biển kiểm soát: 12K2-6953; số khung: RLHHC09057Y206116; số máy: HC09E5306171 (*theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cũ đã qua sử dụng, xe vỡ mặt nạ đầu xe và đèn xi nhan trước, không thu được đăng ký xe*). Theo giao nhận thực tế: xe mô tô có dán nhãn hiệu WAVE RS sau khi hóa giá.

4.4. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số loại WAVE ALPHA xe cũ, đã qua sử dụng; màu sơn Đen Bạc; dung tích xi lanh: 97; loại xe: hai bánh từ 50-175cm³; biển kiểm soát: 88G1-171.48; số khung: RLHHC121XDY183954; số máy: HC12E5183956, số chỗ ngồi: 02; năm sản xuất: 2014 (*theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, không thu được đăng ký xe*). Theo giao nhận thực tế: Xe mô tô có dán nhãn hiệu WAVE RS.

(Các vật chứng trên được thể hiện tại biên Bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Vi Văn H, Linh Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; THS; HCTP.

Vi Đức Trí